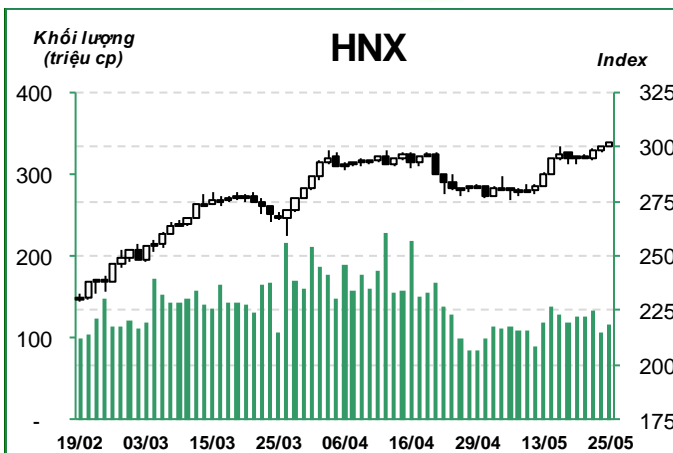
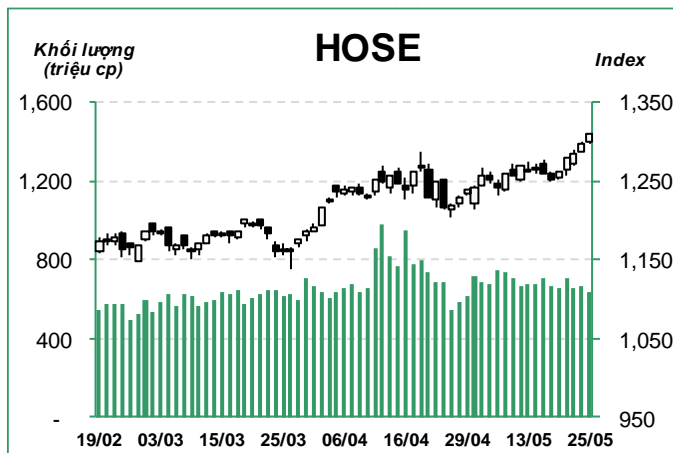


Tổng quan thị trường

25/05/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,308.58	0.82%	1,444.01	0.95%	301.59	0.42%
Cuối tuần trước	1,283.93	1.92%	1,425.04	1.33%	297.99	1.21%
Trung bình 20 ngày	1,263.88	3.54%	1,367.72	5.58%	288.66	4.48%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	679.06	-5.09%	224.08	-15.36%	131.05	18.19%
KLGĐ khớp lệnh	639.37	-4.67%	209.78	-18.12%	116.14	8.72%
Trung bình 20 ngày	681.38	-6.17%	254.28	-17.50%	114.74	1.22%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,246.34	-10.11%	11,495.44	-14.76%	2,896.12	13.97%
GTGD khớp lệnh	19,414.46	-10.77%	10,623.76	-18.05%	2,579.67	5.14%
Trung bình 20 ngày	20,077.98	-3.30%	11,744.61	-9.54%	2,389.24	7.97%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	212	46%	18	60%	99	27%
Số mã giảm	193	42%	8	27%	116	32%
Số mã đứng giá	60	13%	4	13%	152	41%



Bất chấp những thông tin về các ca nhiễm Covid-19 mới tăng đột biến trong phiên sáng thứ 3, thị trường chứng khoán trong nước vẫn miễn nhiễm khi tiếp tục dậy sóng nhờ các cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp tục hút tiền tốt. Trong khi đó, nhóm midcap và penny có dấu hiệu hạ nhiệt ở một vài nhóm ngành nhưng nhìn chung tín hiệu chưa quá tiêu cực. Bên cạnh đó, việc khối ngoại không còn bán ròng đáng kể trong phiên hôm nay cũng phần nào hỗ trợ cho đà tăng của các chỉ số.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1,308.58 điểm (+0.82%). KLGĐ khớp lệnh đạt 639.4 triệu cổ phiếu (-4.7%), tương đương 19,414 tỷ đồng giá trị (-10.8%). Mặc dù VN-Index đóng cửa với mức cao nhất phiên, độ rộng thị trường lại cho thấy sự cân bằng của bên mua và bên bán với 212 mã tăng/193 giảm.

Nhóm ngân hàng tiếp tục dẫn dắt đà tăng cho VN-Index với đa phần cổ phiếu trong nhóm đều đóng cửa trên mức tham chiếu. Trong đó, Vietcombank-VCB (+2.5%), MBBank-MBB (+3.0%), SeABank-SSB (+6.9%) là những cổ phiếu có mức tăng đáng chú ý nhất. Bên cạnh đó, sau vài phiên hạ nhiệt, nhóm thép cũng trở lại mạnh mẽ với bộ đôi Hòa Phát-HPG (+3.1%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+5.8%). Ngoài ra, dầu khí, bảo hiểm và chứng khoán cũng là những nhóm ngành hút tiền khá tốt trong phiên hôm nay. Ở chiều ngược lại, Vinhomes-VHM (-1.3%), Vinamilk-VNM (-0.8%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-0.4%) và Vietinbank-CTG (-0.2%) là những cổ phiếu có ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số.

Khối ngoại giảm áp lực trên sàn HoSE trong phiên hôm nay khi chỉ còn bán ròng với giá trị 83.3 tỷ đồng (-86.5%). Trong đó, các cổ phiếu bị bán ròng nhiều là Hòa Phát-HPG (-105.9 tỷ), Vingroup-VIC (-83.0 tỷ) và Đất Xanh-DXG (-52.7 tỷ). Trái lại, Petrolimex-PLX (+122.7 tỷ), Vinamilk-VNM (+33.2 tỷ), Vietcombank-VCB (+26.9 tỷ) được mua ròng chủ yếu.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
VIB	4,997.2	311.99
HPG	4,163.7	254.42
VPB	1,717.7	116.00
MSN	951.0	106.42
PNJ	835.6	86.63
STB	2,900.0	78.01
VCB	634.0	62.93
FUESSVFL	2,500.0	52.23
TIX	1,540.0	44.15
CTG	906.0	43.72
HNX		
ABT	6,100.0	161.04
SHB	3,900.0	113.91
AMV	1,500.0	14.25
CET	865.8	4.94
SD2	859.7	4.73
S74	836.0	4.26
SHN	533.3	4.00
VCS	39.1	3.38
VND	70.0	2.84
PPE	142.3	1.74

Với sàn HNX, chỉ số HNX-Index có diễn biến đảo chiều liên tục trong biên độ hẹp và chốt phiên tăng lên mức 301.59 điểm (+0.42%). Thanh khoản tăng nhẹ với KLGĐ khớp lệnh đạt 116.1 triệu cổ phiếu (+8.7%), tương đương 2,579.7 tỷ đồng giá trị (+5.1%).

Các cổ phiếu vốn hóa lớn trên sàn có diễn biến phân hóa và thậm chí sắc đỏ có phần lấn át hơn. Tuy nhiên, những nhóm ngành trụ cột như ngân hàng với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+3.4%), dầu khí với Dầu khí PTSC-PVS (+3.7%), Bọc ống Dầu khí-PVB (+3.4%) và chứng khoán với Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội - SHS (+1.8%), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+6.1%) vẫn đủ sức kéo thị trường đi lên. Ở chiều ngược lại, Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.8%), Nhựa Tiên Phong-NTP (-2.3%), Tập đoàn PAN-PAN (-1.2%) và Tập đoàn CEO-CEO (-2.0%) là những cổ phiếu giảm điểm gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX với giá trị bán ròng đạt 28.2 tỷ đồng (+628.8%). Trong đó, dẫn đầu danh sách bán ròng thuộc về Chứng khoán VNDIRECT-VND (-40.4 tỷ) cùng một vài cổ phiếu khác cũng bị bán ròng nhẹ như Dầu khí PTSC-PVS (-2.5 tỷ) và Bánh kẹo Bảo Ngọc-BNA (-1.7 tỷ). Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng Thaiholdings-THD (+11.2 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+3.9 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (+1.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch duy trì ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực từ bên bán không quá lớn. Không những vậy, chỉ số nằm trong xu hướng tăng, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực phát đi tín hiệu xác nhận xu hướng tăng hiện tại. Thêm vào đó, đường MACD và RSI đang đi lên, cho thấy chỉ số có thể trong quá trình hướng lên chinh phục kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, thị trường duy trì xu hướng tăng tích cực. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và đang được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DCL	41.3	1,011.7	7.0%
TMP	46.0	65.3	7.0%
COM	46.0	0.1	7.0%
PSH	28.4	1,922.1	7.0%
PIT	6.0	28.8	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTE	9.2	1.6	-6.9%
GTA	14.0	9.4	-6.7%
KMR	5.6	1,196.8	-6.5%
VSI	19.7	9.3	-6.2%
VDP	35.5	9.6	-5.3%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.8	2,236.3	0.1%
HPG	67.4	1,760.7	3.1%
MBB	35.8	812.3	3.0%
STB	29.4	789.2	1.6%
HSG	40.2	776.5	5.8%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	66.8	33,498.7	0.1%
STB	29.4	27,023.1	1.6%
HPG	67.4	26,852.7	3.1%
MBB	35.8	23,053.8	3.0%
ROS	6.6	21,259.1	-3.9%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MHL	5.5	16.6	10.0%
PSW	7.8	5.0	9.9%
BTW	38.0	0.1	9.8%
VTL	14.8	0.2	9.6%
DPC	17.5	0.2	9.4%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THS	42.3	2.5	-10.0%
TPP	10.1	0.3	-9.8%
SMT	8.6	4.5	-9.5%
SJ1	14.9	2.6	-9.1%
VE3	7.1	8.7	-9.0%

Top 5 giá trị

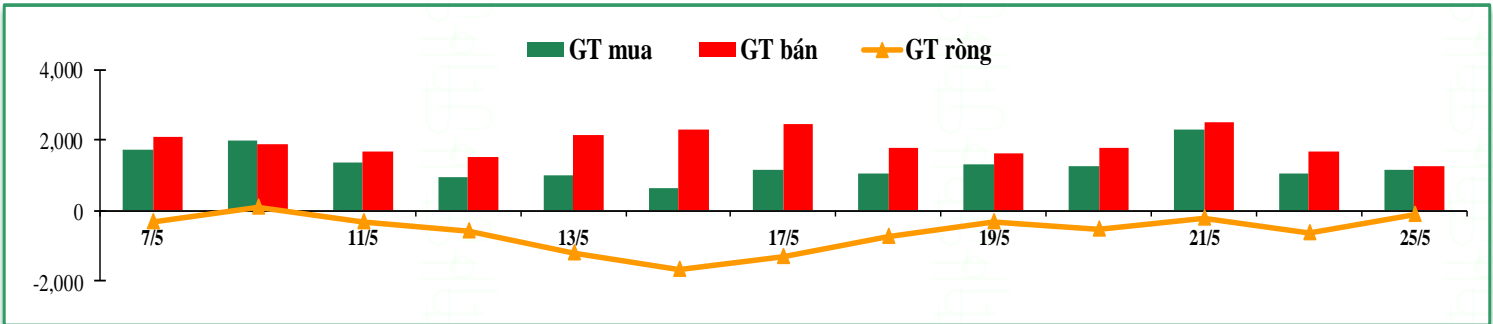
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	29.4	623.3	0.7%
PVS	22.7	360.6	3.7%
THD	196.6	317.1	0.4%
SHS	34.1	300.5	1.8%
NVB	18.0	203.6	3.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	29.4	21,444.1	0.7%
PVS	22.7	15,843.5	3.7%
NVB	18.0	11,421.7	3.4%
SHS	34.1	8,916.4	1.8%
KLF	5.1	7,379.3	-1.9%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,139.2	5.4%	1,222.4	5.8%	-83.3
HNX	27.5	0.9%	55.7	1.9%	-28.2
Tổng số	1,166.7		1,278.1		-111.4



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	56.2	141.2	-0.2%
VPB	66.8	114.6	0.1%
VCB	99.8	104.9	2.5%
VNM	90.5	97.8	-0.8%
PNJ	101.9	83.1	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	67.4	156.3	3.1%
VPB	66.8	120.5	0.1%
VIC	122.3	100.8	0.2%
PNJ	101.9	85.4	0.0%
VCB	99.8	78.0	2.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	56.2	122.7	-0.2%
VNM	90.5	33.2	-0.8%
VCB	99.8	26.9	2.5%
VRE	31.2	23.3	1.1%
SZC	36.0	16.0	0.0%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	196.6	11.4	0.4%
PVS	22.7	6.6	3.7%
PVI	34.3	3.9	2.7%
PAN	25.0	1.8	-1.2%
BVS	24.2	0.5	6.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.6	40.6	1.1%
PVS	22.7	9.1	3.7%
BNA	51.0	1.7	-1.5%
PVC	9.7	1.2	0.0%
VCS	95.8	0.5	-0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	196.6	11.2	0.4%
PVI	34.3	3.9	2.7%
PAN	25.0	1.8	-1.2%
BVS	24.2	0.5	6.1%
THT	8.8	0.5	1.1%

Tin trong nước

Kiều hối vẫn 'chảy mạnh' bất chấp Covid-19

Theo báo cáo cập nhật dữ liệu kiều hối toàn cầu mới nhất được Ngân hàng Thế giới (WB) công bố, dòng kiều hối ở nước ngoài gửi về Việt Nam năm 2020 ở mức 17,2 tỷ USD, tăng gần 3% so với năm 2019 và cao hơn so với mức dự báo trước đó là chỉ đạt 15,68 tỷ USD. Lượng kiều hối chuyển về nước tương đương 5% GDP năm 2020, giúp Việt Nam tiếp tục trong nhóm 10 nước nhận kiều hối lớn nhất về giá trị tuyệt đối và xếp thứ ba trong khu vực Đông Á - Thái Bình Dương.

Dòng kiều hối tiếp tục chảy mạnh về nước trong những tháng đầu năm 2021 bất chấp dịch Covid-19. Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài tại TP HCM cho biết, trong 3 tháng đầu năm lượng kiều hối chuyển về địa phương này đạt 1,45 tỷ USD - tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2020, TP HCM tiếp nhận 6,1 tỷ USD kiều hối, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2019.

WB nhận định, kiều hối sẽ phục hồi vào năm 2021 và dự báo lượng kiều hối chuyển vào các quốc gia thu nhập thấp và trung bình sẽ tăng khoảng 5,6% lên mức 470 tỷ USD. Tuy nhiên, tổ chức này cũng cho biết triển vọng sẽ phụ thuộc vào tác động của dịch Covid-19 đối với tăng trưởng toàn cầu và các biện pháp kiểm chế sự lây lan của dịch bệnh.

Tỷ lệ trúng thầu trái phiếu bất ngờ tăng vọt, tháng 5 huy động gần 30 nghìn tỷ đồng

Từ đầu tháng 5/2021 đến nay, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 29.533 tỷ đồng so với con số gọi thầu 32.500 tỷ đồng.

VnEconomy cập nhật từ thị trường cho thấy, trong tháng 4/2021, thông qua 16 đợt đấu thầu trái phiếu được tổ chức tại HNX, Kho bạc Nhà nước huy động tổng cộng 26.302 tỷ đồng trái phiếu, tăng 215% so với tháng 3/2021 và tăng tới hơn 756% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Kho bạc Nhà nước tăng từ 0,05 - 0,06%/năm tại các kỳ hạn 5, 10 và 15 năm, giữ nguyên tại các kỳ hạn 20 và 30 năm. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm có giá trị trúng thầu lớn nhất trong các kỳ hạn phát hành.

Mức độ sôi động của tháng 4 được kéo dài sang tận những tuần tháng 5. Cụ thể, tuần từ 10/5-14/5, Kho bạc Nhà nước gọi thầu 10,5 nghìn tỷ đồng trái phiếu, đây là lượng gọi thầu lớn nhất từ đầu năm đến nay.

Sang đến tuần 17/5 – 21/5, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 11.497/12.000 tỷ đồng trái phiếu gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 96%). Tính chung từ đầu tháng đến 24/5, Kho bạc gọi thầu 32.500 tỷ thì trúng thầu 29.533 tỷ đồng, đạt tỷ lệ thành công rất cao.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch Outright và Repos tuần qua đạt trung bình 10.106 tỷ đồng/phiên, tăng nhẹ so với mức 9.298 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Trong quý 2/2021, Kho bạc Nhà nước đưa ra kế hoạch sẽ đấu thầu trái phiếu Chính phủ qua HNX với tổng mức phát hành là 100 nghìn tỷ đồng (bao gồm cả khối lượng phát hành cho Bảo hiểm Xã hội Việt Nam). Khối lượng còn lại trong quý của hai tháng 5 và 6/2021 là gần 74 nghìn tỷ đồng, trung bình mỗi tháng phải huy động khoảng 37 nghìn tỷ đồng, tức là tăng 40% so với khối lượng của tháng 4.

Nguồn: Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

MB ước lãi gần 4.600 tỷ đồng trong quý 1, lượng khách hàng mới bằng xấp xỉ 60% cả năm 2020

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB – mã chứng khoán MBB) vừa có những thông tin sơ bộ về kết quả hoạt động quý đầu năm 2021.

Theo đó, lợi nhuận của ngân hàng hợp nhất ước đạt trên 4.570 tỷ đồng, gấp hơn 2,1 lần so với cùng kỳ 2020. Lợi nhuận của ngân hàng riêng lẻ cũng cao gấp hơn 2 lần cùng kỳ, đạt 4.100 tỷ đồng. Đây là quý cho kết quả kinh doanh tốt nhất từ trước tới nay ở nhà băng này.

Các chỉ số về hiệu quả hoạt động đều tốt hơn so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận trên tổng tài sản ROA đạt 2,71% (cùng kỳ đạt 1,59%); lợi nhuận trên vốn (ROE) đạt 27,24% trong khi cùng kỳ chỉ 16,09%. Với kết quả này, MB nằm trong số những ngân hàng kinh doanh hiệu quả nhất.

Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, thấp hơn nhiều so với mức 1,46% cùng kỳ

MWG lãi tháng 4 tăng 69% do mức nền thấp

Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) công bố doanh thu thuần tháng 4 đạt hơn 9.620 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 350 tỷ đồng, tăng lần lượt 23% và 69% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng cao này một phần do mức nền thấp của tháng 4/2020 do đóng cửa cửa hàng để chống dịch.

Dù vậy, so với tháng 3, doanh thu và lợi nhuận của MWG vẫn ghi nhận mức tăng lần lượt là 6% và 4%.

Lũy kế 4 tháng, MWG ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất tăng 9% lên 40.449 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 26% đạt 1.691 tỷ đồng. Theo đó công ty thực hiện được 32% kế hoạch doanh thu và 36% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Do tình trạng thiếu hụt chip toàn cầu, MWG đang chủ động tăng tồn kho các sản phẩm công nghệ - điện máy để tránh rủi ro thiếu hàng.

Chính phủ đồng ý bổ sung vốn Nhà nước gần 7.000 tỷ đồng cho VietinBank

Thủ tướng phê duyệt phương án đầu tư bổ sung vốn Nhà nước tại VietinBank (HoSE: CTG). Theo quyết định, ngân hàng sẽ được bổ sung hơn 6.977 tỷ đồng theo tờ trình của Ngân hàng Nhà nước để duy trì tỷ lệ sở hữu của Nhà nước.

Cuối năm 2020, VietinBank được thông qua phương án phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 28,8% từ các nguồn vốn nói trên.

Tại phiên họp thường niên năm 2021, ngân hàng được thông qua phương án chia cổ tức 2020 bằng tiền mặt và cổ phiếu, trong đó dự kiến chia bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, phần còn lại sẽ chia bằng cổ phiếu tỷ lệ 12% trong trường hợp đã tăng vốn điều lệ từ cổ tức 2017-2018 hoặc 17% trường hợp chưa hoàn thành.

Vốn hóa của VietinBank đã tăng lên mức 190.638 tỷ, vượt qua vốn hóa của Vinamilk (190.603 tỷ đồng), và lọt vào top 5 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất thị trường.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	AGR	Mua	26/05/21	11.55	11.55	0.0%	13	12.6%	11	-4.8%	Cổ phiếu có cơ hội quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VCR	Quan sát mua	26/05/21	20.2	23 26-26.5	Nhịp điều chỉnh về MA200 tích cực với nền, vol nhỏ dần + hai phiên gần nhất vol cạn kiệt -> khả năng sớm tạo đáy và hồi phục trở lại, cần vượt 21.4 để xác nhận
2	PC1	Quan sát mua	26/05/21	25.35	28 30-30.5	Hai phiên điều chỉnh tích cực sau tín hiệu tạo đáy thành công quanh 24 -> khả năng sớm tăng trở lại, vượt 26.5 sẽ xác nhận hoàn thành mẫu hình Hai đáy
3	CII	Quan sát mua	26/05/21	20.8	22.5-23 24-25	Tín hiệu tạo đáy thành công quanh 19.5-20 với mẫu hình Bullish Engulfing + RSI phân kỳ -> có thể canh tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 20.4-20.6

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	93.8	81.5	15.1%	108.5	33.1%	78.8	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	52.6	49.9	5.4%	55	10.2%	47	-6%	
3	MWG	Mua	04/05/21	146	140.9	3.6%	172	22%	134.6	-4%	
4	STB	Nắm giữ	05/05/21	29.35	24.1	21.8%	30	24%	22.9	-5%	
5	CKG	Nắm giữ	07/05/21	17.25	15.5	11.3%	19.3	25%	14.9	-4%	
6	SSI	Mua	13/05/21	40.9	34.8	17.5%	42	21%	33.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	PVS	Mua	19/05/21	22.7	21.8	4.1%	24.5	12%	20.5	-6%	
8	VHM	Mua	20/05/21	104.6	100.4	4.2%	110	10%	96.5	-4%	
9	HDG	Mua	24/05/21	43.75	41.95	4.3%	47.6	13%	40.3	-4%	
10	BVS	Mua	25/05/21	24.2	22.8	6.1%	26	14%	21.3	-7%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 25/05/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	8,950	2.5%	247%	43,870	28	93,800	8,776	(174)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,200	-10.7%	247%	17,800	41	93,800	3,247	(1,953)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,500	-8.9%	350%	23,110	120	32,500	652	(3,848)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	44,460	1.3%	680%	18,240	36	67,400	41,455	(3,005)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,430	1.8%	703%	20,090	120	67,400	5,211	(3,219)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,000	8.8%	339%	9,980	41	67,400	26,499	(2,501)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,300	8.3%	267%	18,790	42	67,400	12,752	(1,548)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,850	9.3%	490%	17,000	41	67,400	7,569	(1,281)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	15,450	8.8%	415%	25,910	76	67,400	12,794	(2,656)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,290	7.2%	224%	15,240	94	67,400	8,739	(4,551)	MBS	HPG	50,200	2.0	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,600	6.5%	408%	38,110	79	67,400	1,675	(4,925)	KIS	HPG	59,368	5.0	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,490	-9.2%	441%	95,660	79	67,400	1,658	(4,832)	KIS	HPG	59,456	5.0	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,730	-7.4%	133%	14,120	83	37,050	2,463	(1,267)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,180	-13.6%	218%	18,840	120	37,050	837	(2,343)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,900	-9.2%	111%	10,170	80	37,050	3,049	(2,851)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	19,650	5.5%	327%	18,930	20	35,800	19,819	169	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,500	8.4%	369%	33,500	42	35,800	4,932	(2,568)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,600	-3.2%	200%	34,540	79	35,800	191	(3,409)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	4,100	-8.5%	290%	21,310	120	113,600	757	(3,343)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,970	-8.9%	297%	13,820	120	113,600	358	(3,612)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	7,010	-14.5%	134%	22,190	80	113,600	4,336	(2,674)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	30,600	0.0%	155%	2,920	36	146,000	25,102	(5,498)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	3,810	2.1%	124%	36,260	16	146,000	3,810	0	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	4,250	-7.0%	77%	9,520	42	146,000	2,929	(1,321)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	8,130	1.0%	171%	13,120	69	146,000	5,297	(2,833)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	3,000	-11.0%	58%	26,730	41	146,000	1,781	(1,219)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	10,500	-4.6%	338%	15,540	(64)	146,000	(26)	(10,526)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	5,100	-13.6%	73%	15,420	94	146,000	1,953	(3,147)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,350	1.2%	635%	55,560	17	135,500	7,231	(119)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,050	2.9%	405%	13,480	120	135,500	3,674	(1,376)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,890	-10.6%	254%	29,230	125	135,500	617	(3,273)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,010	-19.8%	265%	73,040	94	75,800	36	(3,974)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,990	-1.4%	354%	10,220	125	75,800	117	(4,873)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	3,050	-1.0%	79%	17,820	42	101,900	2,434	(616)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	6,200	0.0%	210%	6,700	69	101,900	4,445	(1,755)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,900	6.5%	69%	15,130	24	101,900	4,642	(258)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	3,980	-2.9%	73%	21,900	42	59,100	2,805	(1,175)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,770	1.1%	152%	9,060	120	19,700	13	(2,757)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	9,110	1.1%	507%	13,810	2	29,350	9,176	66	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	8,810	3.7%	701%	60,660	17	29,350	8,681	(129)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	17,670	3.9%	365%	19,000	20	29,350	17,364	(306)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,400	1.4%	640%	13,480	120	29,350	3,763	(3,637)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	11,400	4.6%	470%	10,630	10	29,350	11,361	(39)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	7,840	6.8%	460%	13,100	76	29,350	5,715	(2,125)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,300	2.1%	183%	16,970	94	29,350	6,585	(4,715)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,070	3.3%	457%	16,230	66	51,600	29,685	(385)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,800	3.5%	376%	14,810	133	51,600	20,842	(2,958)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,900	2.3%	287%	39,650	42	51,600	7,844	(1,056)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	10,400	6.1%	259%	22,700	76	51,600	8,129	(2,271)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,900	-7.1%	295%	21,490	94	51,600	3,111	(4,789)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,670	-2.9%	67%	18,740	83	23,500	191	(2,479)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	3,050	-5.0%	205%	7,050	120	23,500	235	(2,815)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,710	-14.7%	35%	14,640	80	23,500	189	(3,521)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	2,190	-1.4%	83%	59,780	79	23,500	0	(2,190)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,870	-13.8%	34%	47,700	17	104,600	1,580	(290)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,810	-10.8%	246%	6,330	120	104,600	231	(3,579)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	3,450	-13.8%	82%	47,410	42	104,600	1,781	(1,669)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,250	-27.8%	-24%	33,040	10	104,600	1,165	(85)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,720	-12.5%	133%	44,930	76	104,600	755	(2,965)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,300	-10.8%	187%	20,190	80	104,600	371	(3,929)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	4,080	-4.7%	214%	53,880	79	104,600	12	(4,068)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2005	1,500	1,850	-11.5%	23%	43,520	17	122,300	1,554	(296)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	4,230	-9.0%	323%	9,640	120	122,300	170	(4,060)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	2,190	-2.2%	22%	30,770	10	122,300	2,236	46	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,800	4.5%	155%	31,070	125	122,300	1	(2,799)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	390	-7.1%	-61%	33,810	17	113,300	116	(274)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	400	-23.1%	-64%	48,430	17	90,500	(0)	(400)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,650	-8.6%	141%	8,060	120	90,500	0	(2,650)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	2,200	-8.3%	29%	22,440	42	90,500	0	(2,200)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	1,260	-27.6%	-26%	23,600	24	90,500	0	(1,260)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,950	-6.6%	167%	9,090	111	90,500	23	(3,927)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	2,200	11.7%	100%	63,050	125	90,500	0	(2,200)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,400	0.0%	639%	6,330	66	66,800	40,901	(499)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,450	1.3%	433%	7,220	42	66,800	14,946	(504)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	16,500	7.8%	489%	3,020	10	66,800	15,660	(840)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	15,800	0.0%	485%	26,300	76	66,800	15,231	(569)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,180	-7.7%	267%	20,160	94	66,800	6,024	(3,156)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2009	1,400	90	-30.8%	-94%	159,230	2	31,200	41	(49)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	470	-6.0%	-69%	34,910	17	31,200	6	(464)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,400	0.0%	48%	14,000	66	31,200	3,822	(3,578)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,720	-6.2%	127%	12,260	120	31,200	114	(2,606)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,010	-16.3%	12%	42,310	42	31,200	344	(1,666)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,700	-8.2%	108%	31,170	76	31,200	161	(2,539)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,800	-14.6%	27%	25,520	80	31,200	79	(3,721)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
TCM	(New) HOSE	89,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	(New) HOSE	33,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
MSN	(New) HOSE	113,600	104,500	14/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
NVL	(New) HOSE	135,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	(New) UPCOM	42,100	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	HOSE	38,600	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	HOSE	37,050	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	99,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	38,000	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	51,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	16,300	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	59,000	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
VNM	HOSE	90,500	128,000	04/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
CTD	HOSE	58,000	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
DHG	HOSE	95,200	100,400	28/04/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
PNJ	HOSE	101,900	116,000	27/04/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
HPG	HOSE	67,400	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	93,800	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	20,800	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC	HOSE	39,800	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
DGW	HOSE	139,000	103,700	13/04/2021	425	9,881	35,452	28%	11%	10.5	2.8	20%
VHC	HOSE	39,700	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
ACV	UPCOM	70,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
ANV	HOSE	25,000	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
REE	HOSE	59,100	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX	HOSE	56,200	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SBT		HOSE	19,700	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
MPC		UPCOM	36,400	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
FMC		HOSE	33,500	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
GVR		HOSE	27,000	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,600	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	31,200	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
MWG		HOSE	146,000	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	9%	14.0	3.4	15%
GAS		HOSE	82,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,600	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	38,950	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	20,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	62,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	15,700	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	17,500	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
IMP		HOSE	72,500	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10%	18.9	2.3	20%
FRT		HOSE	26,000	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	1%	62.0	1.4	10%
VHM		HOSE	104,600	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
SAB		HOSE	157,900	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
LHG		HOSE	40,700	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	54,600	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	82,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	11,900	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.
** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.